|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ Y TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2024/TT-BYT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật**

**dịch vụ y kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập**

*Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế dự phòng;*

*Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định nội dung, nguyên tắc, phương pháp, cách tính các cấu phần trong xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập trong các lĩnh vực sau:

a) Phòng chống bệnh truyền nhiễm, bệnh do ký sinh trùng, côn trùng.

b) Phòng, chống HIV/AIDS.

c) Kiểm dịch y tế.

d) Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

đ) Sức khỏe môi trường, sức khỏe lao động và sức khỏe trường học.

e) Dân số.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở y tế công lập cung cấp dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng và cơ quan quản lý nhà nước về kiểm dịch y tế, y tế dự phòng các cấp.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập là các dịch vụ trong lĩnh vực kiểm dịch y tế, y tế dự phòng do đơn vị sự nghiệp công thực hiện trên cơ sở đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và các dịch vụ cung cấp cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Định mức thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế, vật tư cấy ghép, công cụ, dụng cụ, vật liệu, thuốc thử, chất hiệu chuẩn in vitro và các vật tư khác (sau đây gọi tắt là thuốc, vật tư) là hao phí thuốc, vật tư được sử dụng trực tiếp để hoàn thành 01 dịch vụ.

3. Định mức thiết bị (không bao gồm vật tư) là hao phí về thời gian của các thiết bị được sử dụng để hoàn thành 01 dịch vụ.

4. Định mức lao động là hao phí về thời gian của các vị trí lao động thực hiện hoàn thành 01 dịch vụ.

**Điều 4. Nguyên tắc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, quy trình kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, phù hợp với thực tiễn, theo nguyên tắc tính trung bình tiên tiến.

2. Bảo đảm tính đúng, tính đủ các hao phí cần thiết để hoàn thành 01 dịch vụ theo tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, quy trình kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

 3. Trường hợp dịch vụ đã được cấp có thẩm quyền quy định giá thì áp dụng giá do cấp có thẩm quyền quy định. Trường hợp giá dịch vụ không còn phù hợp thì xây dựng, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật mới.

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở để lập, phê duyệt giá, dự toán kinh phí thực hiện dịch vụ y tế dự phòng. Các chi phí cấu thành giá không quy định trực tiếp, cụ thể tại định mức kinh tế - kỹ thuật (như khấu hao cơ sở hạ tầng, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, thiết bị, năng lượng, nhiên liệu, kiểm soát nhiễm khuẩn, quản lý, vận hành…) được tính vào giá theo quy định của pháp luật về giá.

**Chương II**

**NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG**

 **ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Điều 5. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật**

1. Phương pháp thống kê, tổng hợp là phương pháp xây dựng định mức trên cơ sở phân tích các số liệu thu thập được ở các thời gian trước về hao phí thuốc, vật tư, thiết bị, lao động trực tiếp để hoàn thành 01 dịch vụ cần xây dựng định mức.

2. Phương pháp phân tích, thực nghiệm là phương pháp xây dựng định mức dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn thông qua khảo sát tại đơn vị (chụp ảnh, bấm giờ, kỹ thuật đo lường khác). Số liệu thu thập được sẽ là cơ sở để đánh giá với những nhân tố ảnh hưởng tới các thành phần hao phí và các quy trình, quy định có liên quan để điều chỉnh (nếu cần thiết) khi xác định về hao phí thuốc, vật tư, thiết bị, lao động trực tiếp hoàn thành 01 dịch vụ cần xây dựng định mức.

3. Phương pháp tiêu chuẩn là phương pháp căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy định của pháp luật về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi, mức tiêu hao máy móc, thiết bị để xây dựng định mức về thuốc, vật tư, thiết bị, lao động trực tiếp hoàn thành 01 dịch vụ cần xây dựng định mức.

4. Phương pháp chuyên gia là phương pháp sử dụng kinh nghiệm của chuyên gia trong lĩnh vực để đánh giá các yêu cầu kỹ thuật, nội dung công việc cần thực hiện để đưa ra hao phí về thuốc, vật tư, thiết bị, lao động trực tiếp hoàn thành 01 dịch vụ cần xây dựng định mức

5. Định mức kinh tế - kỹ thuật của các yếu tố hao phí được xác định theo một hoặc nhiều phương pháp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

**Điều 6. Cách tính định mức trong xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật**

1. Định mức trực tiếp

a) Định mức thuốc, vật tư

Xác định danh mục, chủng loại thuốc, vật tư cần thiết, sử dụng trực tiếp khi thực hiện 01 dịch vụ để đưa vào tính định mức kinh tế - kỹ thuật.

Định mức mỗi loại thuốc, vật tư cho 01 dịch vụ được tính theo công thức sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Định mức thuốc, vật tư  | Số lượng thuốc, vật tư sử dụng=Số lượng dịch vụ hoàn thành |

Đối với các loại thuốc, vật tư mà 01 đơn vị số lượng có thể sử dụng cho nhiều lượt dịch vụ thì tử số trong công thức trên là 01.

Hao hụt thuốc, vật tư (nếu có) được tính vào số lượng thuốc, vật tư sử dụng.

b) Định mức thiết bị trực tiếp

Xác định danh sách các thiết bị cần thiết, sử dụng trực tiếp khi thực hiện 01 dịch vụ để đưa vào tính định mức kinh tế - kỹ thuật.

Định mức mỗi thiết bị được tính cho 01 dịch vụ theo công thức sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Định mức thiết bị  | 01=Số lượng dịch vụ hoàn thành trong thời gian sử dụng của thiết bị |

Đối với thiết bị được sử dụng cho nhiều loại dịch vụ khác nhau thì mẫu số trong công thức trên là tổng số của toàn bộ các dịch vụ hoàn thành trong thời gian sử dụng thiết bị đó.

Thời gian sử dụng của thiết bị là thời gian trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính. Trường hợp thiết bị không là tài sản cố định, thời gian sử dụng của thiết bị là thời gian dự kiến sử dụng thiết bị nhưng không quá 3 năm.

2. Định mức lao động

Định mức lao động gồm hao phí lao động trực tiếp và hao phí lao động gián tiếp để thực hiện 01 dịch vụ:

- Hao phí lao động trực tiếp được tính theo vị trí làm việc, trình độ chuyên môn, thời gian của người lao động cần thiết để thực hiện 01 dịch vụ.

- Hao phí lao động gián tiếp được tính theo tỷ lệ % hao phí lao động trực tiếp theo nguyên tắc, phương pháp quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này.

3. Định mức hao phí quản lý

Định mức hao phí quản lý được xác định theo tỷ lệ % tổng chi phí tính theo định mức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và theo nguyên tắc, phương pháp quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này.

Hao phí quản lý bao gồm các nội dung sau:

- Chi phí về điện, nước, nhiên liệu; cước dịch vụ viễn thông, bưu chính; thuê công nghệ thông tin hoặc thuê dịch vụ, phần mềm quản lý; bảo đảm an ninh, an toàn người bệnh; vệ sinh, môi trường, xử lý chất thải; các chi phí thuê, mua ngoài khác.

- Chi phí duy tu, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn tài sản, mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ, vật tư, phương tiện, văn phòng phẩm phục vụ cho bộ phận quản lý, gián tiếp và hoạt động chung của đơn vị

- Chi phí thuê phiên dịch, biên dịch; chi mua, in ấn, phô tô tài liệu, ấn phẩm dùng cho chuyên môn.

- Chi phí đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ sức khỏe người lao động, dự phòng lây nhiễm HIV, tiêm chủng cho công chức, viên chức, người lao động.

- Chi phí cho công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh, thương hiệu theo quy định.

- Chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học; nhận chuyển giao các kỹ thuật, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn.

- Các khoản chi phí khác.

4. Định mức khấu hao tài sản cố định

Trường hợp đơn vị đủ điều kiện trích khấu hao tài sản cố định thì áp dụng quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc các văn bản sửa đổi, thay thế.

5. Định mức tích lũy

Trường hợp đơn vị đủ điều kiện kết cấu định mức tích lũy thì áp dụng tỷ lệ % tổng chi phí thực hiện dịch vụ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật**

1. Tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật theo hướng dẫn tại Thông tư này, Thông tư số 29/2019/TT-BYT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật về y tế và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Kiểm tra, rà soát kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật. Trường hợp cần thiết, có thể đề xuất phương án thẩm tra kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của số liệu và các chỉ số của định mức kinh tế - kỹ thuật.

4. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế định mức kinh tế - kỹ thuật kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý và thực tiễn.

**Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu trình định mức kinh tế - kỹ thuật**

1. Kiểm tra, rà soát hồ sơ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Thông tư này, Thông tư số 29/2019/TT-BYT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật về y tế và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong định mức kinh tế - kỹ thuật.

**Điều 9. Kinh phí xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật**

1. Kinh phí xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Việc lập, phân bổ, quản lý kinh phí xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Điều 10. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

**Điều 11. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị và cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng) để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);- Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);- Các Đ/c Thứ trưởng;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;- Sở Y tế, TTKSBT, TTKDYTQT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;- Lưu: VT, DP, PC. | **KT. BỘ TRƯỞNGTHỨ TRƯỞNG****Nguyễn Thị Liên Hương** |

**BIỂU MẪU XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Dịch vụ y kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BYT ngày tháng năm 2024*

 *của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**Tên dịch vụ**

Tên quy trình kỹ thuật:…………………………………………………………..

Được phê duyệt tại:………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Diễn giải cách tính định mức** | **Định mức** |
| **I** | **Định mức trực tiếp** |  |  |  |
| 1 | Thuốc, vật tư |  |  |  |
| 1.1 | Thuốc |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
| 1.2 | Hóa chất |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
| 1.3 | Sinh phẩm |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
| 1.4 | Vật tư |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
| 1.5 | Dụng cụ |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
| 2 | Thiết bị |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
| **II** | **Định mức lao động** |  |  |  |
| 1 | Lao động trực tiếp |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
| 2 | Lao động gián tiếp |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
| **III** | **Định mức hao phí quản lý** |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
| **IV** | **Định mức khấu hao tài sản cố định** |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
| **V** | **Định mức tích lũy** |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |
|  |  |  |  |  |